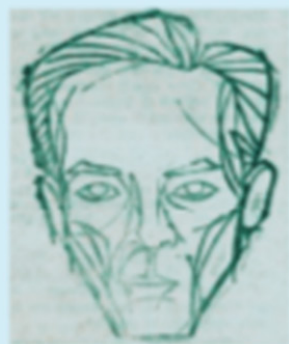




NGUYỄN NHẬT DUẬT

viết về

MAI THẢO



Nguyễn Nhật Duật
viết về
Mai Thảo

Nguyễn Nhật Duật viết về Mai Thảo

Bìa: *Nguyễn Hải Chí*

Nguồn: *Thư Quán bản thảo*

Nguyễn Nhật Duật
viết về
Mai Thảo

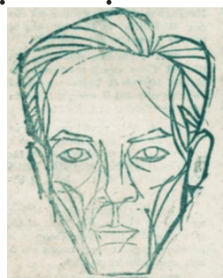
Tuần báo KHỎI HÀNH
số 75 * 15-10-1970

MỖI TUẦN MỘT KHUÔN MẶT VĂN CHƯƠNG

Kỳ trước, dưới đề mục này, Viên Linh đã viết về Dương Nghiễm Mậu. Trong những kỳ sau, lần lượt các anh Lê Huy Oanh viết về Sơn Nam, Nguyễn Hữu Hiệu viết về Túy Hồng, Huỳnh Phan Anh viết về Thanh Tâm Tuyền, Cao Huy Khanh viết về Bùi Giáng. Loạt bài do sáu người viết, sau đó sẽ trở lại vòng nữa, với khoảng 15 nhà văn tên tuổi nhất hiện nay ở Miền Nam.



Nguyễn Nhật Duật viết về Mai Thảo



“Y quài tay lại sau lưng, xoay chuyển cả một khoảng thời gian lạnh tanh đã chết về làm hơi thở, đặt cái sau lưng thành cái trước ngực, hiện tại này mênh mông mặt biển, xa tấp chân trời, nhưng y chỉ cúi xuống, vớt mãi ở những đáy thẳm nào lên lướt thướt những chùm dĩ vãng lân tinh”.

Mai Thảo cảm thấy một cách thấm thía người ta đã nhìn ra cái hình ảnh đó nơi ông, hình ảnh một nhà văn miệt mài hồi tưởng, như ông, chính ông, tự vẽ nên, qua vài trang giấy mang ý nghĩa của “Những Dò Thăm Không Ngừng Quá Khứ”, đặt ở đầu tập truyện “Người thầy học cũ”. Vài trang giấy đó, cùng với mấy trang khác ở đầu tập truyện “Dòng Sông Rực Rỡ” của ông, mang tiêu đề “Nói chuyện với những người viết mới” hợp thành những bày tỏ chân thành và sáng suốt của một nhà văn luôn luôn ý thức rõ rệt về chính mình, vì đời sống và về sự sáng tạo văn chương.

Rời bỏ Hà Nội trong cuộc di cư vĩ đại năm Giáp Ngọ, đặt chân xuống miền Nam này trải qua mười sáu mùa xuân, số lượng tác phẩm ông cho xuất bản đã vượt quá số năm ông sống ở đây. Cây bút của

ông đã thử thách nhiều loại văn xuôi : truyện dài truyện ngắn và tùy bút. Truyện dài của ông, mà điển hình là “Mái tóc dĩ vãng”, “Khi mùa mưa tới” và “Viên đạn đồng chữ nổi” (hoặc gần đây nhất, “Thời thượng”), thường được viết một cách buông thả — thứ buông thả của sự thiếu chăm sóc kỹ lưỡng — không tạo được bầu sinh khí đặc biệt đáng kể. Cái sinh khí nồng nàn tươi thắm đã nuôi dưỡng được tâm hồn tác giả và đã được ông tạo ra với tất cả niềm say mê tha thiết phải được tìm nơi những truyện ngắn và tùy bút của ông : Đêm giả tử Hà Nội, Tháng giêng cỏ non, Bản chúc thư trên ngọn Đỉnh Trời, Bầy thỏ ngày sinh nhật, Căn nhà mây nước mặn, Người thầy học cũ, Dòng sông rục rở, Chuyến tàu trên sông Hồng và Tùy Bút.

Những truyện ngắn biểu hiện những

cảnh sắc, những nhân dáng mà cái nhìn đắm đuối của ông đã ghi nhận được trong những phút giây hồi tưởng hay chiêm ngưỡng. Những bài tùy bút là những bắt gặp vốn vã, những giao ngộ đắm thắm dù thoáng qua ngắn ngủi. Không khí ươm hương kỷ niệm hay đầy ắp tương lai mơ màng giữa lòng hiện tại, dồn dập, xôn xao những dao động miên man, không khí từng bùng bốc lên trong một khoảnh khắc chỉ có thể được tiếp thu trong vòng khít khao của những kích thích truyện ngắn hay tùy bút. Cách thể biểu hiện, theo Mai Thảo, “không đơn thuần là kỹ thuật”, mà “nó bao gồm cả nội dung và kỹ thuật là hai khía cạnh biểu hiện chính yếu của sáng tạo nghệ thuật”.

Thế nên, trước những lời trách cứ của một số độc giả vì sự đeo đuổi quá khứ, Mai Thảo đã đi từ ý niệm trên đến

câu trả lời : “Sử dụng quá khứ ở tôi cũng chỉ là một cách thể riêng của cá nhân tôi, trong nỗ lực chung của tất cả những nhà văn là biểu hiện nhận thức và thái độ mình trước văn chương, ngôn ngữ và đời sống”.

Chọn đề tài là quá khứ và trong quá khứ, ông mang rõ trong ý thức một tin tưởng vững vàng ở sự nắm chắc, làm chủ đề tài.

Bởi, ông đã thú thật là chưa nhìn rõ được hiện tại này, là ông đang sống với một hiện tại đối với (ông) có nhiều bờ ngõ và cái hiện tại này, thực tế đời sống chứng minh chúng ta đã không hoàn toàn làm chủ được nó... (nên nó) trở thành một hiện tại đi hoang, nó hung hãn... (khiến cho) chúng ta có những lúc bàng hoàng, không phân biệt được gì nữa”.

Theo ông, “khoảng cách của thời gian cho một nhà văn đủ điều kiện đi sâu vào chủ đề, nắm vững được đối tượng sáng tác, là một tự nhiên cần thiết”.

Đó là những lý do sâu xa, thuộc về nội dung thực tại và điều kiện kỹ thuật của sự sử dụng nó, đã đưa Mai Thảo đến chỗ chọn lựa, chọn lựa những dò thăm không ngừng quá khứ, phần chủ đề mà nhà văn nắm vững, làm chủ được. Sự chọn lựa dứt khoát và thành thực. Sự thành thực đó là sòng phẳng với mình, và cũng là một thái độ kính yêu chân thành đối với đời sống. Nhưng sự thành thực của nhà văn của yêu sách những đáp ứng tương xứng của người đọc. Điều gì ? Theo Mai Thảo, điều mà người đọc cần và chỉ nên tìm hiểu ở một nhà văn là cái cách thể, cái thái độ biểu hiện chủ đề, mà không phải là cái ý nghĩa thường rất khách quan của

chủ đề, chủ đề chỉ là một cảnh trí, một sân khấu, một đối tượng, ở đó nhà văn ném cái chủ quan mănli liệt của mình vào, làm sống lại một thế giới thực hơn thực tại, sống hơn đời sống; bởi vì cái thế giới nghệ thuật là một thế giới đã thành hình xong xuôi, xong xuôi từ tính chất, đến những vận động trở thành đến định mệnh và ý nghĩa sau cùng của nó. Vì vậy người đọc (trong đó có người phê bình) đừng hoài công tra hỏi tại sao nhà văn cứ đắm chìm trong quá khứ (hồi tưởng và luyến thương), chỉ nên tìm hiểu nhà văn đã biểu hiện quá khứ đó (hay bất cứ chủ đề nào khác) như thế nào.

Ở các truyện ngắn và tùy bút của Mai Thảo, cái kỷ niệm đổ tới, chồng chất xô dồn, nén chặt, đầy ứ, ứa vào hiện tại. Ở đây mà nhớ Hà Nội, nhớ bút rút, nhớ bồn chồn, nhớ ngập tâm tư, nhớ liên

nhớ li, nhớ tê nhớ buốt. Tôi vẫn muốn coi như quê hương duy nhất của tôi là Hà Nội. Vì sao ? Vì cái lòng nhớ thương Hà Nội của tôi vẫn còn, mền yêu vẫn sâu nặng, Hà Nội trong trí nhớ vẫn hiện lên bằng những hình ảnh ấn tượng đậm thắm, hay: “Tôi nhớ, tôi nhớ. Thành phố quê hương đứng bàn thạch trong trí nhớ bén nhọn, đau xót cái hình ảnh huyền hoặc thần thánh. Mỗi hình ảnh gọi lên chỉ chạm nhẹ vào hồn đã là một mũi dao một vết thương. Hồn tôi nức nở xuôi dòng cuốn về Hà Nội”, đến nỗi : “lâu dần quê hương trong trí nhớ đóng kết lại như cái ung cái nhọt, vững chắc cái vững chắc vô hình của một thứ mặc cảm (Quê Hương Trong Trí Nhớ).

Nơi Sài Gòn bây giờ ngồi hoài tưởng về những giây phút gian nan, ghê sợ, trong chuyến hồi cư về Thành giữa năm

1951, trước sự căm thù, đe dọa, của người bạn cũ làm du kích, và được sự che chở của “Người đàn bà trong vòng đai trắng”, chị Toàn, người đàn bà bất hạnh đã một chiều gặp gỡ bất ngờ. Giữa những phố lầu bùng bít che khuất phủ kín trời Sài Gòn lúc này chợt nhớ lại “những vì sao thứ nhất”, “những vì sao của Diệu” ngày xưa, xa lắc xa lơ, từ năm mười bảy tuổi, đó, những hình ảnh lung linh trên con sông Ngân Hà lấp lánh. Bởi đâu nhớ mãi miết không ngừng nghỉ, lẽ tự nhiên đối với tâm hồn người kể chuyện ?

Tôi sống hôm nay, cũng không tách biệt được với những cái gì đã chết, những người đã chết, với lịch sử, với tâm hồn người đời đời. Nhát dao chặt đứt mình mấy quá khứ thì thân thể hiện tại cũng rách nát đau đớn. Ba phần thời gian chỉ là một (Những Vì Sao Thứ Nhất). Và niềm

tưởng nhớ mang nặng một ý tưởng, cái ý tưởng này : “cái đẹp nào cũng chứa đựng một hình ảnh của quá khứ. Những kẻ đánh mất quá khứ, như một quân nhân trong một phim nào đấy, sau những đợt trọng pháo sấm sét dữ dội đã mất trí nhớ, hần ngơ ngác trong niềm trống trải. Những kẻ chỉ sống với một hiện tại đây áp như đã đủ hoàn toàn sẽ chẳng thể nào biết rằng những bông hoa rực rỡ nhất của sự sống không thể nở được, không bao giờ nở được, trên khoảng đất héo hon và giá buốt là sự lạnh lùng thần nhiên và sự lãng quên nhau (Những Vì Sao Thứ Nhất).

Thế nên, như một người đang khát khô cổ họng, nhà văn đang sống trong hiện tại (Sa mạc) nhào về quá khứ chan hòa nước ngọt ngào dịu mát. Hiện tại xô đổ bức tường thời gian (từng khoảnh

khắc ngăn cách) để tìm gặp quá khứ, để đối diện kỷ niệm. “Tôi muốn nhớ lại, luôn luôn được nhớ lại. Hiện tại xô bồ, cơn lốc bi thảm quay cuồng, xoay chuyển dằng kéo, nó vây chặt những tâm hồn mệnh mang sầu muộn, nó đóng khung những ý thức đang muốn vùng thoát. Vậy phải đập vỡ cái khung vuông của hiện tại và thực tại, nó chỉ là kích thước ban đầu, chỉ là điểm khởi hành phải dứt, phải lìa, phải đi xa khỏi. Đập vỡ khung hiện tại để choàng tay rộng đón quá khứ. Biểu hiện sự đập vỡ đó là một bút pháp phá tan cái khung vuông vức của văn phạm, của những qui thức hành văn cô điển, để ngôn ngữ tự do tung bay, nhẩy múa, giao hòa với nhịp vui sáng tạo đang xôn xao trong lòng ngực nhà văn. Văn phạm đặt định chừng mực, nhắc nhở sự thu mình khiêm tốn của lời văn sẽ bị đẩy lùi dần, giới hạn nó vạch ra sẽ bị nới rộng thêm

mãi, với những câu như: “Tôi ném tầm mắt thật xa, tìm kiếm một địa hình phức tạp án ngữ giải thích được thỏa đáng hiện tượng ngọn gió đồng bằng trở mặt giận dữ bốc thành lốc cuồng, hút xoáy lấy cái đám khói vật vờ trên đầu máy, dồn đuổi vào những dòng thác đổ nghiêng một hệ thống năng quái đang tím thẫm dần dần” (Dòng Sông Vết Thương), hay “Đôi mắt khi cháy lên, khi ánh lửa dị thường nói sự bắt gặp của linh hồn chàng với niềm khát vọng tiền kiếp, đẩy chàng tách rời khỏi đời sống, mọi người chung quanh, đi vào những miền gió bão hoang vu, bí mật và xa xôi như khối lửa nghìn đời xa cách, nhưng vẫn còn đó, vẫn thăm thẳm cháy trong lòng đất (Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời).

Những câu văn căng phồng, đầy chặt, run rẩy, hỗn hển hơi thở mạnh dữ

của đời sống cuốn cuộn hút nội dung, vô vập tiêu thụ chất liệu thực tại. Những câu văn vỡ bờ, chúng ngời ngời một dãy ánh sáng loang loáng tuôn chiều cùng khắp. Nơi chốn ấy có hoa nở trong những thửa vườn, nắng múa trên những hàng mái, trời xanh trong mắt người, màu hồng trong thân thể. “Nơi chốn ấy, mùa đông đã tới. Đã đứng lại. Đã tan và đã hết. Những khung kính được mở rộng thênh thang, không khí ấm áp như hôn đời, những tấm áo ngự hàn, những đôi ủng. những rét mướt. Và những run rẩy cũ đã được cất vào hộp tủ. Những con suối đóng thành băng lại róc rách tiếng hát” (Số én còn lại).

Đầm đầm như mưa chan chan không ngừng dứt, dung lượng càng lớn, nguồn mạch càng dồi dào, sức chảy càng ồ ạt. Sự cuốn hút của ngôn ngữ ngồn ngấu

thực tại trong dòng văn mở rộng. Nơi Mai Thảo, bút pháp khơi dậy nội dung chứ không phải nội dung dựng nên bút pháp. Chiếc áo trùm thân thể vừa vặn cho nó. Chiếc áo choàng rộng lên trên thân thể lớn. Đây là cuộc đời bao la, thực tế bát ngát, mà nhà văn đã thu nạp trong trình tự sống của mình. Trình tự đó kết hợp bằng những kinh nghiệm, những tích lũy, những đoạn đường đã qua, những kỷ niệm êm ái trong hồn, những dấu chàm đốn đau trên ngực, những ảo tưởng một người phải có, những thực tế một đời phải gặp, những ngã xuống đau thương, những lết đi cực nhọc, tất cả nối tiếp nhau qua hình ảnh một hành trình (Những Dò Thăm Không Ngừng Quá Khứ), nghĩa là kỹ thuật diễn tả vươn rộng mãi ra, trườn dài mãi tới, đòi ôm lấy trọn cuộc đời. Mỗi lời văn dang dăng

tiếng gọi thiết tha không nguôi, mời mọc thực tại đến ẩn mình trong nó.

Ngôn ngữ ở Mai Thảo chính là chỗ trú cuối cùng của thực tại thường hữu, thứ thực tại xô dạt dập dềnh trên dòng sông tưởng nhớ và mơ mộng, những ám ảnh không rời tâm trí. Hình ảnh người thầy học cũ, Khuôn mặt trầm lặng của thầy ngó xuống như một nổi bình yên, trong bối cảnh một buổi học mà người kể chuyện ở đó đã từng là đứa học trò đạt thành công vẻ vang đầu tiên qua bài luận được đọc lên giữa lớp, bên ngoài là bầu trời chói nắng và những chùm hoa phượng đang sau lớp kính sáng trong hình ảnh đó, khuôn mặt đó và khung cảnh đó hiện ra chập chờn trên trang bản thảo của (đứa học trò vụng dại ngày ấy nay đã là) một nhà văn : Bây giờ đôi khi ngừng tay trên một trang bản thảo, lúng túng

trước một danh từ, một ý tưởng diễn đạt khó khăn, tôi lại thấy những hàng chữ dập dập xóa xóa trước mắt bỗng phẳng phất giống với trang giấy nháp của bài luận cũ. Hình ảnh người lúc đó lại hiện lên (Người thầy học cũ).

Hay, ở một lúc khác, nhớ đến hình ảnh kỳ dị, bí ẩn trên đỉnh đồi của người bác điên loạn, dềnh dàng, chuệnh choạng, vừa chạy vừa múa tít cây gậy trên đầu, ngoái cổ lại, gật gù như vẫy gọi bọn lính Tây đuổi theo, miệng thì hát ê a, để đánh lạc hướng chúng, cho chúng khỏi chú ý đến những thân nhân của mình đang chạy trốn dưới chân đồi, hình ảnh thảm thương và kỳ diệu của kẻ điên làm cho người kể chuyện sau bao năm còn thắc mắc. Tiếng súng đạn đình tai nhức óc đã làm bác chột tỉnh cơn điên loạn triền miên ? Hay là vì những giọt nước mắt

hải hùng của chúng tôi trong buổi sáng thập tử nhất sinh đó?(Người Điên Dưới Chân Sườn Tam Đảo).

Những ám ảnh, những khuôn mặt, những dáng vẻ cũ, những bóng hình kỷ niệm xa xưa, những chị Định, chị Thời, Diệu, bác Cả Đoàn, Quàng, người thầy học cũ, chị Toàn, Thuận Trọc, vân vân, tất cả hiện lên, dập dờn, biến ảo, không lìa trí nhớ. Và niềm tưởng nhớ luôn luôn. Không dứt khỏi khung cảnh, không chia biệt hoàn toàn những khuôn mặt đã gọi ra. Nhớ về người thầy học cũ, lòng không ngớt bồi ngùi mỗi khi ngồi viết văn trước trang giấy bản thảo (như trang giấy nháp ngày xưa); nhớ người bác điên loạn chột bưng tỉnh và chết tức tưởi, lòng xót xa thương cảm và dâng đầy một niềm tri ân tê tái, nhớ đến chị Thời, “chúc chị thế nào rồi cũng có một mùa xuân, dẫu chỉ là

một mùa xuân thật muộn” (Những tấm hình của chị Thời) nhớ đến Diệu, “người bạn, như một vì sao còn sáng mãi trong tôi” (Những vì sao thứ nhất); nhớ đến chị Toàn, tôi mong chị được sung sướng, đời chị cũng sẽ gặp được những người tốt, giúp đỡ chị vô điều kiện như chị đã giúp đỡ chúng tôi, nhớ về Thuận, tôi lại nhớ đến cái kính vỡ mắt của Thuận, tôi thầm mong hẳn còn đeo cái kính vỡ mắt ấy mãi mãi, nếu không còn yêu Toàn nữa, chắc hẳn sẽ mua một cái kính mới. Và cái điểm sáng le lói cuối cùng cũng sẽ tắt mất (Người Đàn Bà Trong Vòng Đai Trắng).

Những tình cảm kèm theo những hình ảnh nhưng nhớ đó có nghĩa gì ? Chúng đồng loạt lên tiếng cho một niềm thiết tha tin tưởng ở viễn tượng của đời sống, ở cái cao đẹp nơi con người mà

tác giả mong mỗi không bao giờ mất; ở ý thức trong sáng, ở lương tri hằng cửu trong tâm hồn mỗi nhân vật, đằng sau mỗi khuôn mặt khác biệt. Tất cả đó dâng cho tình người một niềm rung động lạc quan.

Mai Thảo là nhà văn luôn mơ ước cho mình và cho mọi người một hạnh phúc làm nó đầy tâm hồn. Dù ở nhiều truyện kể đầy những bi thảm, chết chóc, chia lìa nơi cuối truyện, nhưng tác giả vẫn bày tỏ bên lề những kết cuộc đó một cầu mong, một mơ ước, một tin tưởng. Tất cả đều xoa dịu, đều vỗ về an ủi, đều xóa nhòa những thảm kịch nào lòng, qua niềm tin yêu thật là khỏe khoắn của một tâm hồn tha thiết. Niềm tin yêu đó vượt khỏi cả nỗi hãi hùng của cái chết. “Con cộp dữ sống sượng một đồng lù lù cách chàng hai thước (...) Nó không bao giờ

phà được cái hơi thở hôi hám vào cái thế giới hạnh phúc bé nhỏ của chàng nữa. Và sáng mai thức dậy, con chàng vẫn còn bầy thỏ con ra đời đúng ngày sinh nhật của nó (...) Chàng chỉ nghĩ được: Anh yêu em vô cùng, hãy đưa con trở về thành phố. Trong mơ màng, Phẩm nghe thấy tiếng khóc nức nở của Châu. Chàng nhìn thấy một vì sao núi trên đầu. Rồi thôi (Bầy thỏ ngày sinh nhật). Phẩm chết, nhưng với nụ cười và niềm mơ ước thắm đượm trên vành môi. Nhân vật của Mai Thảo đều thật cao đẹp, thật lý tưởng, thật hiếm hoi (khó thấy trong đời này). Nhưng mơ ước vốn là mơ ước cái cao đẹp, cái lý tưởng, cái hiếm hoi đó, chứ không phải (hẳn không phải) là mơ ước cái thấp kém, cái thực tại tầm thường, cái dễ thấy nhan nhản khắp nơi trong đời sống.

Đó cũng là một cái lẽ riêng của Mai Thảo trong sự chọn lựa những khuôn mặt nhân vật được gọi ra, sự chọn lựa quyết liệt cho những gì vươn lên, vươn lên thật cao, thật xa bên trên tít cùng ngút mắt người đời, để nhân vật sẽ mãi mãi như ngọn Đỉnh Trời, “cho nó vẫn được là một thần tượng, một cái gì không bao giờ đạt được”. Và trườn vào mệnh mông, phóng tới thăm thẳm, như lao xuống vực sâu hun hút, một chiều cao khác (đối diện với trời cao, với đỉnh núi chót ngất): “Cái vực cuốn hút tôi như một chiều cao mới, một cái đích mới, một cái đỉnh mới, tôi muốn ném thân thể, linh hồn vào đó. Tôi nghĩ rằng con đường về của tôi phải là bằng cách đó. Vào vô tận. Như một giọt sao rơi. Khi mà sự hướng thượng không còn vô tận» (Bản chúc thư trên ngọn Đỉnh Trời). Ở đây, cái đẹp, cái tuyệt vời và cái bi thảm hòa làm một. Gặp gỡ Frie-

drich Nietzsche. (“Chàng nằm đây mà chính là chàng nằm trên đó, trên cái đỉnh cao ngời ngời tuyết băng bao phủ cũng kỳ lạ như con đường chàng đến, chàng đi, kỳ lạ như sự có mặt, sự mất đi, như định mệnh của đời chàng”)

Tâm hồn khao khát cái cao với tuyết đối sẽ mở toang lớp vỏ hiện hình của thực tại trước mắt và tung mình vào không gian mênh mông đầy những kỳ diệu, trong niềm chiêm ngưỡng, băng khuâng tiếc nuối, nôn nao chờ đợi. Những gì đã qua và những gì sẽ tới, những tụ động và những tan nhòa dồn vào hiện tại: “Trong thương nhớ và tưởng vọng quá độ, thành phố trở nên một thế giới, một thứ thiên đường mất, cái kho tàng đã chìm xuống đáy biển tôi mỗi công mò tìm không thấy, những cái đẹp đầu tiên và cuối cùng cộng lại đã thành khói

thành sương” (Quê Hương Trong Trí Nhớ). Sự ngưng kết càng dày đặc, niềm băng khuâng mơ tưởng càng lớn dần theo thời gian: “Lớn lên, đi qua một con sông nào, dừng lại ở một bến tàu nào, đứng ngắm một dòng nước nào, trong đầu óc nó lại nổi dậy cái âm thanh nào nùng lê thê của tiếng còi trên dòng sông Hồng Hà của một chuyến đi tuổi nhỏ.

Cúi đầu xuống và nhắm mắt lại mà theo dõi cái âm thanh không bao giờ mất ấy trong dòng hồi tưởng, nó lại như thấy vẽ ra trước mắt con tàu cũ, cái bến xưa, và tất cả những hình ảnh của một tuổi nhỏ chơi với như một cánh bướm ma ần ần hiện hiện trong sương mù quá khứ (Chuyến tàu trên sông Hồng). Đầu óc vắng vất những âm thanh và ập, những hình ảnh chói lòa, những màu sắc rực rỡ, người kể chuyện dĩ vãng, (người

viết truyện) bày ra những cảnh trí luôn ngoạn mục. Lời chuốt đẹp như tơ nõn, tươi sáng từng bừng như gấm như hoa, văn của Mai Thảo là một thứ thơ xuôi có tình tiết, có lớp lang. Chất thơ ấm áp, vẻ thơ lung linh, hồn thơ rạo rực; “Tiếng còi vang động một vùng làng xóm ngủ thiếp lệt vào những cánh cổng đóng kín, lan tới những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương, tự lòng sông chuyển cả không gian mịt mù, chuyển cả thời gian thăm thẳm, chuyển những vì sao lạc, những ánh trăng sông, cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái menh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng vào những làng xóm, làng xóm trùm kín lấy, và lắng đọng bồi hồi mãi mãi (Chuyến Tàu Trên Sông Hồng). Sức chứa đựng

của câu văn, khả năng khơi động thực tại của lời văn thật mãnh liệt ở đây. Và cảm giác đê mê, ngọt lịm, nảy sinh từ những chụp bắt vốn vĩa, nồng hậu. Chụp bắt cái lung linh mờ ảo, cái xanh tươi ngằn ngắt, cái tím xẫm mênh mông choáng ngợp cái ẩm, cái mát, cái êm, cái mượt tâm hồn quay ngoắt khỏi những bưng bít âm u để tận hưởng những cảm giác dịu dàng thoải mái đó. Đòi hỏi những cảm giác và xúc động ngày càng khác lạ, tâm hồn và thể xác tinh lọc, gạn dãi thực tại phiền tạp để rút lấy những kích thích tố xứng hợp, để vươn lên cho khỏi chìm nhịp, nhòai tới cho khỏi ngọt nhạt bực bội trải rộng cho khỏi tê chồn, tìm gặp cho khỏi lạc lõng. Những duỗi dài hay thu hẹp của câu văn là những cách thể biểu hiện các yêu sách đó. Và bút pháp luôn luôn dày đặc mà vẫn không nặng nề, trái lại, nhờ

cái tính chất nhuần nhuyễn của những câu văn điêu luyện thải trừ những chi tiết thô sơ, đãi lọc những cảnh tượng dư thừa, còn lại chẳng chỉ là những tinh thể lắng đọng, những hình thái đã do công phu gọt rũa. Để rồi những tinh thể đó — những hình thái đó — được kiểu thức hóa trong những chữ vừa đủ để khơi dậy sự xôn xao vang động, từ những lắng đọng, giọng nói cất lên đồng vọng từ lạnh tanh im vắng, cứ ngân nga trầm bổng mãi, vuốt ve vỗ về mãi cho đến cuối bài văn. Văn chương vốn khởi từ sự im lặng ghê người ẩn nấp đằng sau những tiếng động thừa phức của thực tại; Văn chương hoạt động trong những rung ngân xô xát của ngôn ngữ nắm giữ được người đọc; và văn chương sau đó sẽ lại trả người đọc về cho niềm im lặng trầm lắng hơn, kinh hãi hơn hay thân mật hơn (tùy sự giật

dội hay hấp dẫn trong mối tương giao tác phẩm - người đọc), dư âm cuối cùng là những vang vọng kế tiếp nơi tâm hồn người đọc.

Mai Thảo lôi cuốn một số đông độc giả qua những truyện ngắn và tùy bút của ông nhờ ý thức đi trước tác phẩm: “Viết phải được tâm niệm và lĩnh hội như một sửa soạn chu đáo” (Nói Chuyện Với những Người Viết Mới), nhờ quyết định dứt khoát: “Đãi lọc, giữ lại và chỉ giữ lại những đời ngọc”, bằng cách “nhìn ngắm đời hiện rõ dáng hình” nghĩa là “Tim đập thật vững, làm văn nghệ đừng khỏi đau bằng cái trạng thái đau tim. Quan niệm đó, tác giả đã thực hiện nó một cách vẹn toàn không trong các truyện dài mà chỉ

trong những truyện ngắn và tùy bút của ông, với một ý thức chọn lựa minh bạch trước khi lao vào cuộc phiêu lưu sáng tạo mờ ảo : Bởi nghệ thuật chính là khởi sự của ý thức chia lìa với đời sống, rồi mới bằng sự chia lìa này trở lại gia nhập đời sống trên một bình diện trí tuệ hơn, trên đường trở lại này, nghệ thuật thành hình và ý thức đã đóng một vai trò chủ động; Sự trở về đó là một nỗ lực khai phá thực tại chứ không thụ động chìm trong thực tại dù có biểu hiện bằng sự thả hồn mình trôi giữa lòng thực tại: “Đời sống không bao giờ đến với ta. Người viết phải tìm đến với nó. Sự thật không bao giờ hiện hình qua thoáng mắt của cái nhìn đầu”.

Những bày tỏ này cho thấy một Mai Thảo thật sáng suốt trong ý thức về

mình, về đời sống, về chân lý và về sự thể hiện văn chương. Ông biết ông muốn viết gì, tại sao, như thế nào và để làm gì. Sự dứt khoát chọn lựa từ đầu một thái độ toàn diện trước vấn đề viết khiến ông tìm được sự dễ dàng trong cách thể biểu hiện nội dung thực tại. Ông cân nhắc kỹ lưỡng trước khi viết, sửa soạn chu đáo rồi mới viết; và lúc viết thì viết ào ào, ít đập xóa, không bút rút, không quăn quại – như một người thân với ông đã từng tiết lộ về Mai Thảo ngồi trước trang giấy trắng; ông viết thoải mái đắm đuối trong sự viết, miên man kể lể, với ý thức ngược lên nhìn viễn ảnh ngời ngời kỷ niệm hay cúi xuống lặng lẽ ngó sâu vào mộng tưởng, tạo thành một trò ảo hóa cho ký ức bằng bút pháp đầy ma lực. Cuộc hành trình vào thực tại của Mai Thảo là

một cuộc hòa trộn giữa những biến điệu (miên man) của những (âm thanh) kỷ niệm và mơ ước.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 75, ngày 15-10-1970.

